

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 24 - 6 - 2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Phước.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2020, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1989 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, ông Nguyễn Trọng N trình bày:*

Vào năm 2007, ông (Nguyễn Trọng N) và bà Huỳnh Thị S chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên lớn tiếng qua lại, tranh cãi với nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Cả hai không còn

chung sống với nhau từ tháng 01/2020 cho đến nay mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị S. Về con chung có 03 người tên là Nguyễn Thiên P (giới tính nam) sinh ngày 09/3/2008 và Nguyễn Minh T (giới tính nam), sinh ngày 21/4/2010 và Nguyễn Ngọc Q (giới tính nữ), sinh ngày 28/9/2016. Hiện con chung đang do bà Huỳnh Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, ông yêu cầu giao cả 03 người con chung cho bà S nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận; nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Tại Biên bản hòa giải ngày 18/6/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Huỳnh Thị S trình bày:*

Về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng và việc không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn và thời gian không còn chung sống đúng như ông N trình bày. Nay ông N yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý. Con chung có 03 người đúng như ông N trình bày, bà đồng ý tiếp tục nuôi cả 03 người chung mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung thống nhất tự thỏa thuận; nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Trọng N yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Huỳnh Thị S nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét về hôn nhân, ông Nguyễn Trọng N xác định ông và bà Huỳnh Thị S chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống cùng với bà S thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây giữa ông và bà S thường xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi lớn tiếng qua lại, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc mặc dù đã được gia đình hai bên nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2020 cho đến nay. Ông Nguyễn Trọng N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị S. Bà Huỳnh Thị S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, ông Nguyễn Trọng N và bà Huỳnh Thị S không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Cả hai thống nhất xác định có 03 người con chung tên là Nguyễn Thiên P (giới tính nam) sinh ngày 09/3/2008 và Nguyễn Minh T (giới tính nam), sinh ngày 21/4/2010 và Nguyễn Ngọc Q (giới tính nữ), sinh ngày 28/9/2016. Hiện cả 03 người con chung đang do bà S trực tiếp nuôi, ông N yêu cầu giao cả 03

người con chung cho bà S tiếp tục nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con. Bà S đồng ý tiếp tục nuôi cả 03 người con mà không yêu cầu ông N cấp dưỡng, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của những người con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên có căn cứ để ghi nhận. Ông Nguyễn Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất tự thỏa thuận, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, đồng thời không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông Nguyễn Trọng N phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các điều 9, 14, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Trọng N và bà Huỳnh Thị S là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Giao Nguyễn Thiên P (giới tính nam) sinh ngày 09/3/2008, Nguyễn Minh T (giới tính nam), sinh ngày 21/4/2010 và Nguyễn Ngọc Q (giới tính nữ), sinh ngày 28/9/2016 cho bà Huỳnh Thị S chịu trách nhiệm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi Nguyễn Thiên P, Nguyễn Minh T và Nguyễn Ngọc Q đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống. Ông Nguyễn Trọng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Trọng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông N đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011631, ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau nay chuyển thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Phước**